

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 44



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19/05/2018)
	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19/05/2018)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Dân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đức Liêm	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2019

Số: 387/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 06 tháng 04 năm 2019, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2019

A blue ink handwritten signature.

Nguyễn Tiến Trịnh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2018-137-1

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		2.221.240.575.601	1.966.957.725.614
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	296.834.889.495	228.713.854.868
1. Tiền	111		159.613.700.964	178.889.744.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		137.221.188.531	49.824.110.674
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.900.000.000	2.230.240.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(100.000.000)	(560.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	-	790.240.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		889.390.701.638	776.590.477.845
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	783.124.337.764	640.947.781.748
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		70.003.032.716	72.589.484.999
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	36.462.071.432	64.265.329.424
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(130.429.595)	(1.281.203.571)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		(68.310.679)	69.085.245
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	939.159.871.848	891.252.698.714
1. Hàng tồn kho	141		942.804.145.585	894.423.052.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.644.273.737)	(3.170.353.574)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		93.955.112.620	68.170.454.187
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	17.544.994.750	17.859.467.421
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.766.502.655	44.172.222.152
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		8.643.615.215	6.138.764.614
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.148.703.496.139	1.156.445.690.697
I Các khoản phải thu dài hạn	210		49.139.244.043	56.774.614.822
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	49.139.244.043	56.774.614.822
II Tài sản cố định	220		844.647.480.950	859.505.042.480
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	813.592.774.704	824.494.733.293
- Nguyên giá	222		1.632.549.020.875	1.571.574.363.169
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(818.956.246.171)	(747.079.629.876)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	31.054.706.246	35.010.309.187
- Nguyên giá	228		54.120.386.294	52.858.296.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.065.680.048)	(17.847.987.107)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.324.123.866	44.741.751.201
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.324.123.866	44.741.751.201
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		102.259.242.143	109.623.003.112
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.10	67.552.493.844	73.027.389.727
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	33.706.748.299	32.595.613.385
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	4.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		123.333.405.137	85.801.279.082
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	123.333.405.137	85.801.279.082
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.369.944.071.740	3.123.403.416.311

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.940.336.012.593	2.726.180.092.640
I- Nợ ngắn hạn	310		2.578.322.775.643	2.331.654.315.591
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	387.510.297.666	358.776.884.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		46.859.503.201	32.094.341.110
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	30.238.270.324	23.588.959.401
4. Phải trả người lao động	314		294.337.867.771	188.098.410.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	32.574.322.776	47.920.727.717
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		23.145.281.738	12.054.922.758
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	47.720.003.478	60.723.297.177
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	1.686.630.411.604	1.540.696.242.942
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	39.860.750.361
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		29.306.817.085	27.839.778.597
II- Nợ dài hạn	330		362.013.236.950	394.525.777.049
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	1.464.192.588	1.023.054.500
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		17.705.531.814	14.500.372.031
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		25.029.723.468	22.869.583.121
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	3.885.580.092	4.794.960.183
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	312.781.285.391	346.242.839.149
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	3.470.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.146.923.597	1.624.968.065
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		429.608.059.147	397.223.323.671
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	429.608.059.147	397.223.323.671
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.389.848.609	45.674.075.645
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.602.875.905	63.332.954.145
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		27.455.756.137	43.458.329.550
- LNST chưa phân phối kì này	421b		59.147.119.768	19.874.624.595
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		114.615.334.633	106.216.293.881
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		3.369.944.071.740	3.123.403.416.311

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Đặng Minh Tuyền

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	4.920.114.575.234	4.229.682.276.253
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.046.464.706	12.664.916.056
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	4.897.068.110.528	4.217.017.360.197
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	3.922.088.664.990	3.344.842.953.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		974.979.445.538	872.174.407.142
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	52.454.526.534	25.637.795.252
7. Chi phí tài chính	22	5.20	142.733.598.099	70.571.779.430
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>82.579.825.304</i>	<i>57.459.836.189</i>
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.734.617.984	8.124.840.323
9. Chi phí bán hàng	24	5.21	365.159.481.165	342.129.300.493
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	430.032.720.236	422.992.281.461
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		95.242.790.556	70.243.681.333
12. Thu nhập khác	31		25.538.462.797	26.939.009.796
13. Chi phí khác	32		21.156.686.965	10.835.962.704
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		4.381.775.832	16.103.047.092
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		99.624.566.388	86.346.728.425
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		32.161.845.542	26.337.799.253
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(478.044.468)	1.624.968.065
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		67.940.765.314	58.383.961.107
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		59.147.119.768	52.820.555.379
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.793.645.546	5.563.405.728
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	2.601	2.252

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2019

Người lập



Đặng Minh Tuyên

Trưởng phòng kế toán



Huỳnh Văn Phát

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	99.624.566.388	86.346.728.425
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	123.263.498.003	118.580.238.336
- Các khoản dự phòng	03	(40.398.117.407)	(756.811.496)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(764.225.457)	426.662.717
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(34.111.969.071)	(54.795.781.166)
- Chi phí lãi vay	06	82.579.825.304	57.459.836.189
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	230.193.577.759	207.260.873.005
- Biến động các khoản phải thu	09	(113.874.488.409)	(283.592.872.837)
- Biến động hàng tồn kho	10	(48.812.755.501)	10.653.269.381
- Biến động các khoản phải trả	11	217.047.979.054	(3.645.956.145)
- Biến động chi phí trả trước	12	(15.214.627.562)	(9.416.992.923)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(80.952.144.102)	(62.620.441.158)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.668.983.415)	(29.596.433.103)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	23.384.000	50.529.093
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.464.612.275)	(21.121.480.302)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	139.277.329.550	(192.029.504.989)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(121.608.836.426)	(239.081.036.131)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	8.991.999.930	80.086.831.085
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	8.535.754.445
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(33.015.820.066)	(16.122.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	20.202.686.169	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.719.955.296	26.982.778.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(113.710.015.097)	(139.597.671.732)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(685.320.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	4.247.396.950.519	3.637.158.739.022
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.134.469.199.440)	(3.174.552.448.235)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(71.451.673.115)	(65.408.204.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	41.476.077.964	396.512.766.761
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	67.043.392.417	64.885.590.040
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	228.713.854.868	163.402.922.102
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	1.077.642.210	425.342.726
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	296.834.889.495	228.713.854.868

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2019

Người lập



Đặng Minh Tuyên

Trưởng phòng kế toán



Huỳnh Văn Phát

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Các cổ đông khác	13.160.000	131.600.000.000	72,31%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2018: 5.004 người (31/12/2017 là: 5.185 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm nhuộm;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Lai
Địa chỉ	: Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, Yên Đỗ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Đà Lạt
Địa chỉ	: Số 9, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 55%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 55%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Định
Địa chỉ	: Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,84%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,84%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May An Nhơn
Địa chỉ	: Số 71 Nguyễn Đình Chiểu, P.Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,19%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 45,90%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Tam Quan
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 204 Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,00%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,00%
Tên Công ty	: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 82,35%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 82,35%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang
Địa chỉ	: Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,2%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 58,2%
Tên Công ty	: Công ty CP May Đức Linh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Khu phố 1, Thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 66,16%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 60,98%
Tên Công ty	: Công ty CP Bất động sản Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,57%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,57%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort
Địa chỉ	: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, Bình Thuận.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 59,10%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 45,43%

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 28,58%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 28,58%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May 9
Địa chỉ	: Số 215, Hàng Thao, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 26,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 26,78%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Phúc
Địa chỉ	: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, Tp. HCM
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 47,50%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 47,50%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè
Địa chỉ	: 139 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 29,99%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 29,99%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Sông Tiền
Địa chỉ	: Ấp Bình Tạo, Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 43,89%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 43,89%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Sóc Trăng – Nhà Bè
Địa chỉ	: Quốc lộ 60, Phường 7, Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 36,00%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 36,00%
Tên Công ty	: Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa
Địa chỉ	: Lô A8, Cụm Công nghiệp La Hà, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 25%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 25%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần SX - TM - DV Hưng Phát
Địa chỉ	: Số 12 Đường Mai Hắc Đế, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 20%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 20%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hà Nội (Đồng phục)

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hải Phòng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Nam Định

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh UK

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 31/12/2018.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 31/12/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2018
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07
Tài sản cố định vô hình	
	2018
	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh hợp nhất doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Tổng Công ty chỉ hoạt động chủ yếu sản xuất, gia công hàng may mặc, địa điểm hoạt động tại Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	6.448.130.933	10.797.485.857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	153.165.570.031	168.092.258.337
Tương đương tiền	137.221.188.531	49.824.110.674
Tổng	296.834.889.495	228.713.854.868

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng có thời hạn không quá 3 tháng.

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	2.000.000.000	1.900.000.000	(100.000.000)	2.000.000.000	1.440.000.000	(560.000.000)
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	2.000.000.000	1.900.000.000	(100.000.000)	2.000.000.000	1.440.000.000	(560.000.000)
Tổng	2.000.000.000	1.900.000.000	(100.000.000)	2.000.000.000	1.440.000.000	(560.000.000)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	790.240.000	790.240.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	790.240.000	790.240.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	-	-	790.240.000	790.240.000

5.4 Phải thu của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	783.124.337.764	640.947.781.748
Motives (Far East) Ltd.	88.854.234.747	28.235.125.479
J.C. Penney Purchasing Corporation	37.368.558.785	38.194.011.787
Arcadia Group Brands Ltd.	36.819.801.811	35.438.604.139
BMB Clothing Group	31.002.645.249	41.026.113.023
Generos De Punto Victrix, S.L.	29.340.037.927	24.262.890.217
Primark Store Ltd	10.568.211.664	30.502.851.190
River Island Clothing Co., Ltd.	24.501.733.850	11.445.596.543
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	40.623.515.573	26.683.331.045
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (VSC)	29.250.061.124	57.867.174.827
Phải thu khách hàng khác	454.795.537.034	347.292.083.498
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	783.124.337.764	640.947.781.748

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.5 Phải thu khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	36.462.071.432	-	64.265.329.424	-
- Tạm ứng	3.349.574.736	-	6.227.693.429	-
- Ký cược, ký quỹ	450.270.030	-	2.459.220.750	-
- Phải thu khác	32.662.226.666	-	55.578.415.245	-
b) Dài hạn	49.139.244.043	-	56.774.614.822	-
- Mua đất dự án Long Thới	-	-	34.296.286.150	-
- Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	3.614.053.672	-
- Phải thu khác	49.119.244.043	-	18.864.275.000	-
Tổng	85.601.315.475	-	121.039.944.246	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	282.365.122	-	48.892.618	-
Nguyên liệu, vật liệu	302.639.663.375	(2.542.359.180)	306.038.058.864	-
Công cụ, dụng cụ	1.382.613.196	-	2.744.437.503	-
Chi phí SX KDDD	325.728.654.775	-	309.833.325.202	-
Thành phẩm	206.441.085.017	(965.097.418)	189.364.154.134	(1.448.196.299)
Hàng hóa	9.469.826.911	(136.817.139)	10.292.167.005	(1.327.544.905)
Hàng gửi bán	96.859.937.189	-	76.102.016.962	(394.612.370)
Tổng	942.804.145.585	(3.644.273.737)	894.423.052.288	(3.170.353.574)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.544.994.750	17.859.467.421
- Chi phí CCDC	2.521.254.456	2.415.674.608
- Khác	15.023.740.294	15.443.792.813
b) Dài hạn	123.333.405.137	85.801.279.082
- Chi phí thuê đất	43.658.364.819	36.662.064.665
- Chi phí CCDC	32.974.570.695	27.471.214.605
- Chi phí sửa chữa	12.723.005.821	10.837.339.142
- Khác	33.977.463.802	10.830.660.670
Tổng	140.878.399.887	103.660.746.503

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	717.798.298.920	776.411.802.868	56.305.956.488	17.710.994.511	3.347.310.382	1.571.574.363.169
Tăng trong năm	9.949.976.363	99.404.871.185	63.943.664.379	605.002.533	-	173.903.514.460
Mua trong năm	5.600.881.001	78.892.278.416	4.276.159.249	604.889.273	-	89.374.207.939
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.272.224.825	18.881.666.726	2.605.194.848	-	-	25.759.086.399
Tăng khác	76.870.537	1.630.926.043	57.062.310.282	113.260	-	58.770.220.122
Giảm trong năm	18.635.852.682	78.942.735.200	10.568.868.753	4.781.400.119	-	112.928.856.754
Thanh lý nhượng bán	-	41.916.456.634	10.554.367.674	63.194.849	-	52.534.019.157
Giảm khác	18.635.852.682	37.026.278.566	14.501.079	4.718.205.270	-	60.394.837.597
Số dư tại 31/12/2018	709.112.422.601	796.873.938.853	109.680.752.114	13.534.596.925	3.347.310.382	1.632.549.020.875
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2018	247.053.998.572	452.290.126.999	32.259.946.935	13.024.072.305	2.451.485.065	747.079.629.876
Tăng trong năm	34.922.583.082	76.539.485.201	56.979.065.795	1.145.176.796	229.621.484	169.815.932.358
Khấu hao trong năm	34.866.553.483	75.632.120.768	6.466.013.428	1.076.072.328	229.621.484	118.270.381.491
Tăng khác	56.029.599	907.364.433	50.513.052.367	69.104.468	-	51.545.550.867
Giảm trong năm	11.307.666.045	72.577.434.391	9.950.893.467	4.103.322.160	-	97.939.316.063
Thanh lý nhượng bán	-	35.371.046.204	9.892.633.416	63.194.849	-	45.326.874.469
Giảm khác	11.307.666.045	37.206.388.187	58.260.051	4.040.127.311	-	52.612.441.594
Số dư tại 31/12/2018	270.668.915.609	456.252.177.809	79.288.119.263	10.065.926.941	2.681.106.549	818.956.246.171
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2018	470.744.300.348	324.121.675.869	24.046.009.553	4.686.922.206	895.825.317	824.494.733.293
Số dư tại 31/12/2018	438.443.506.992	340.621.761.044	30.392.632.851	3.468.669.984	666.203.833	813.592.774.704

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2018	19.581.647.983	5.838.965.451	27.437.682.860	52.858.296.294
Tăng trong năm	1.578.713.790	45.482.007	2.886.285.797	4.510.481.594
Mua trong năm	-	-	1.362.090.000	1.362.090.000
Tăng khác	1.578.713.790	45.482.007	1.524.195.797	3.148.391.594
Giảm trong năm	1.578.713.790	45.482.007	1.624.195.797	3.248.391.594
Giảm khác	1.578.713.790	45.482.007	1.624.195.797	3.248.391.594
Số dư tại 31/12/2018	19.581.647.983	5.838.965.451	28.699.772.860	54.120.386.294
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2018	2.863.116.488	4.899.604.329	10.085.266.290	17.847.987.107
Tăng trong năm	703.446.330	1.112.540.332	4.370.120.882	6.186.107.544
Khấu hao trong năm	544.415.550	671.836.348	4.001.441.043	5.217.692.941
Tăng khác	159.030.780	440.703.984	368.679.839	968.414.603
Giảm trong năm	147.836.505	527.710.619	292.867.479	968.414.603
Giảm khác	147.836.505	527.710.619	292.867.479	968.414.603
Số dư tại 31/12/2018	3.418.726.313	5.484.434.042	14.162.519.693	23.065.680.048
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2018	16.718.531.495	939.361.122	17.352.416.570	35.010.309.187
Số dư tại 31/12/2018	16.162.921.670	354.531.409	14.537.253.167	31.054.706.246

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		67.552.493.844	73.027.389.727
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	-	11.276.421.765
Công ty CP May 9 - Nam Định	26,78%	7.240.803.240	9.309.182.339
Công ty CP Đầu tư và Phát triển			
Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%	5.199.307.207	4.555.437.024
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	5.933.139.420	5.437.696.816
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	47,50%	-	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	4.362.414.322	4.425.755.477
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	27.685.094.453	28.102.008.738
Công ty Cổ phần May Hoài Hương	0,00%	2.649.533.505	-
Công ty CP Truyền Thông Nhà Bè	46,67%	-	560.000.000
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	5.371.839.773	5.360.887.568
Công ty CP May Sóc Trăng - Nhà Bè	36,00%	9.110.361.924	-
Công ty CP SX - TM - DV Hưng Phát	20,00%	-	4.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		33.706.748.299	32.595.613.385
Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)	1,86%	5.337.100.000	5.337.100.000
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,02%	5.802.843.385	5.802.843.385
Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	7.161.920.000	7.161.920.000
Công ty CP Dệt May Liên Phương	10,88%	3.480.000.000	3.480.000.000
Công ty CP May 9 - Nam Định		-	1.338.750.000
Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	4.225.000.000	4.225.000.000
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	8,82%	2.449.884.914	-
Tổng		101.259.242.143	105.623.003.112

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	387.510.297.666	387.510.297.666	358.776.884.571	358.776.884.571
Công ty CP May Phù Cát	13.437.749.135	13.437.749.135	12.010.430.818	12.010.430.818
Công ty CP May Tây Sơn	323.499.975	323.499.975	7.617.743.899	7.617.743.899
Công ty TNHH May XK Việt Thành	6.599.314.711	6.599.314.711	9.087.374.664	9.087.374.664
Kufner Hong Kong Ltd.	13.352.482.590	13.352.482.590	7.442.729.479	7.442.729.479
Motives (Far East) Ltd.	13.144.406.811	13.144.406.811	7.561.243.477	7.561.243.477
Phải trả các nhà cung cấp khác	340.652.844.444	340.652.844.444	315.057.362.234	315.057.362.234
b. Dài hạn	1.464.192.588	1.464.192.588	1.023.054.500	1.023.054.500
Công ty CP Long Phương Đông	1.464.192.588	1.464.192.588	1.023.054.500	1.023.054.500
Tổng	388.974.490.254	388.974.490.254	359.799.939.071	359.799.939.071

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế GTGT	17.247.154.402	11.710.302.723
Thuế xuất, nhập khẩu	151.529.181	9.430.342
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.523.711.398	5.969.662.504
Thuế thu nhập cá nhân	2.819.259.493	3.013.742.165
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.207.250.000	2.184.285.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản	289.365.850	701.536.667
Tổng	30.238.270.324	23.588.959.401

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	32.574.322.776	47.920.727.717
- Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	8.500.168.402	16.719.819.292
- Trích trước chi phí lãi vay	3.001.742.761	3.973.484.720
- Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	9.192.045.622	16.121.344.450
- Chi phí điện, nước, vận chuyển	5.864.411.229	7.919.721.822
- Chi phí phải trả khác	6.015.954.762	3.186.357.433
b) Dài hạn	-	-
Tổng	32.574.322.776	47.920.727.717

5.14 Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	47.720.003.478	60.723.297.177
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	54.949.638
Kinh phí công đoàn	10.993.938.362	11.097.332.111
BHXH, BHYT, BHTN	15.889.520.633	15.739.493.806
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.397.698.508	11.668.183.526
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.428.845.975	22.153.338.096
b) Dài hạn	3.885.580.092	4.794.960.183
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.744.345.000	2.512.490.000
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	1.141.235.092	2.282.470.183
Tổng	51.605.583.570	65.518.257.360

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.686.630.411.604	1.686.630.411.604	4.274.225.651.004	4.128.291.482.342	1.540.696.242.942	1.540.696.242.942
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	613.179.579.862	613.179.579.862	1.293.859.738.730	1.360.100.900.056	679.420.741.188	679.420.741.188
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	130.989.031.890	130.989.031.890	618.425.595.676	487.436.563.786	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	199.205.402.303	199.205.402.303	757.305.457.065	772.378.584.477	214.278.529.715	214.278.529.715
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	96.104.957.386	96.104.957.386	96.175.005.294	70.047.908	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	30.031.540.593	30.957.092.446	925.551.853	925.551.853
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	46.229.558.646	46.229.558.646	105.531.250.118	119.753.489.915	60.451.798.443	60.451.798.443
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn	229.383.479.508	229.383.479.508	230.160.774.440	777.294.932	-	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	31.138.217.727	31.138.217.727	51.214.141.835	28.185.800.531	8.109.876.423	8.109.876.423
Ngân hàng TMCP SCB	16.156.967.332	16.156.967.332	22.312.792.596	6.155.825.264	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	-	-	230.555.246.134	575.790.705.168	345.235.459.034	345.235.459.034
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn	78.882.455.781	78.882.455.781	78.882.455.781	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Thuận(USD)	68.053.439.793	68.053.439.793	337.641.498.870	312.939.028.297	43.350.969.220	43.350.969.220
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Lagi	-	-	8.550.000.000	8.550.000.000	-	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	5.713.637.224	5.713.637.224	101.386.795.134	109.594.350.436	13.921.192.526	13.921.192.526
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	-	15.060.314.708	30.222.673.113	15.162.358.405	15.162.358.405
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định	8.274.675.000	8.274.675.000	8.319.515.000	19.712.306.000	19.667.466.000	19.667.466.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (USD)	2.325.000.000	2.325.000.000	12.940.577.212	13.231.827.212	2.616.250.000	2.616.250.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bình Định (USD)	7.957.953.256	7.957.953.256	23.704.213.957	26.189.436.765	10.443.176.064	10.443.176.064
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 Tp. Hồ Chí Minh	29.921.425.807	29.921.425.807	77.694.686.259	69.469.703.000	21.696.442.548	21.696.442.548
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh	39.993.713.697	39.993.713.697	89.433.695.727	89.436.008.178	39.996.026.148	39.996.026.148

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	17.300.815.185	17.300.815.185	17.585.994.260	19.928.219.075	19.643.040.000	19.643.040.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	2.724.000.000	2.724.000.000	2.724.000.000	4.445.672.000	4.445.672.000	4.445.672.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - USD	9.862.634.276	9.862.634.276	11.057.379.003	9.221.864.501	8.027.119.774	8.027.119.774
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VND	3.865.565.330	3.865.565.330	4.583.801.216	1.870.402.490	1.152.166.604	1.152.166.604
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	4.791.373.240	4.791.373.240	4.791.373.240
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định	3.847.110.500	3.847.110.500	3.865.250.325	4.404.114.825	4.385.975.000	4.385.975.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (VND)	851.500.000	851.500.000	851.500.000	851.500.000	851.500.000	851.500.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (USD)	1.474.426.030	1.474.426.030	1.177.566.000	1.750.366.970	2.047.227.000	2.047.227.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 2 Tp. Hồ Chí Minh (VND)	15.676.471.416	15.676.471.416	15.676.471.416	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 2 Tp. Hồ Chí Minh (USD)	3.707.393.655	3.707.393.655	3.707.393.655	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh	22.191.000.000	22.191.000.000	22.191.000.000	20.076.331.757	20.076.331.757	20.076.331.757



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	312.781.285.391	312.781.285.391	67.847.178.843	101.308.732.601	346.242.839.149	346.242.839.149
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	16.031.435.000	16.031.435.000	375.000.000	17.786.750.000	33.443.185.000	33.443.185.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	2.696.000.000	2.696.000.000	-	2.724.000.000	5.420.000.000	5.420.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - USD	13.318.956.490	13.318.956.490	14.091.476.392	4.459.452.577	3.686.932.675	3.686.932.675
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VND	28.156.821.929	28.156.821.929	9.293.919.990	11.057.379.003	29.920.280.942	29.920.280.942
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bình Định	1.810.000.000	1.810.000.000	-	2.212.253.511	4.022.253.511	4.022.253.511
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định	7.471.025.290	7.471.025.290	40.165.600	3.846.339.100	11.277.198.790	11.277.198.790
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (VND)	166.375.000	166.375.000	-	851.500.000	1.017.875.000	1.017.875.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Định (USD)	906.025.219	906.025.219	59.637.470	1.177.566.000	2.023.953.749	2.023.953.749
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.968.000.000	7.968.000.000	-	2.144.000.000	10.112.000.000	10.112.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 Tp. Hồ Chí Minh (VND)	95.822.779.870	95.822.779.870	27.693.477.053	26.232.120.160	94.361.422.977	94.361.422.977
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 2 Tp. Hồ Chí Minh (USD)	18.923.462.705	18.923.462.705	5.293.502.338	6.439.303.563	20.069.263.930	20.069.263.930
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh	573.000.000	573.000.000	-	-	573.000.000	573.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh	118.937.403.888	118.937.403.888	11.000.000.000	22.378.068.687	130.315.472.575	130.315.472.575
Tổng	1.999.411.696.995	1.999.411.696.995	4.342.072.829.847	4.229.600.214.943	1.886.939.082.091	1.886.939.082.091

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	182.000.000.000	45.373.475.832	86.181.559.544	80.717.249.000	394.272.284.376
Tăng trong năm	-	461.005.896	52.820.555.379	38.051.469.124	91.333.030.399
Lợi nhuận sau thuế	-	-	52.820.555.379	5.563.405.728	58.383.961.107
Phân phối lợi nhuận	-	459.950.737	-	-	459.950.737
Tăng khác	-	1.055.159	-	32.488.063.396	32.489.118.555
Giảm trong năm	-	160.406.082	75.669.160.778	12.552.424.244	88.381.991.104
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	459.950.737	438.644.949	898.595.686
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	15.264.514.377	3.028.426.692	18.292.941.069
Chia cổ tức	-	-	56.082.207.860	8.785.546.416	64.867.754.276
Giảm khác	-	160.406.082	3.862.487.804	299.806.187	4.322.700.073
Số dư tại 31/12/2017	182.000.000.000	45.674.075.646	63.332.954.145	106.216.293.880	397.223.323.671
Số dư tại 01/01/2018	182.000.000.000	45.674.075.646	63.332.954.145	106.216.293.880	397.223.323.671
Tăng trong năm	-	715.772.963	81.296.953.295	19.859.323.050	101.872.049.308
Lợi nhuận sau thuế	-	-	59.147.119.768	8.793.645.546	67.940.765.314
Phân phối lợi nhuận	-	715.772.963	-	-	715.772.963
Tăng do không hợp nhất May Gia Phúc	-	-	22.149.833.527	-	22.149.833.527
Tăng khác	-	-	-	11.065.677.504	11.065.677.504
Giảm trong năm	-	-	58.027.031.535	11.460.282.297	69.487.313.832
Chia cổ tức	-	-	45.500.000.000	4.900.000.000	50.400.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	715.772.963	-	715.772.963
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	11.811.258.572	3.872.257.512	15.683.516.084
Giảm do không hợp nhất May Gia Phúc	-	-	-	2.688.024.785	2.688.024.785
Số dư tại 31/12/2018	182.000.000.000	46.389.848.609	86.602.875.905	114.615.334.633	429.608.059.147

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Các cổ đông khác	131.600.000.000	72,31%	131.600.000.000	72,31%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	45.500.000.000	56.082.207.860

d. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu	4.920.114.575.234	4.229.682.276.253
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.920.114.575.234	4.221.144.192.753
Doanh thu chuyển nhượng BDS	-	8.538.083.500
Tổng	4.920.114.575.234	4.229.682.276.253
Các khoản giảm trừ doanh thu	23.046.464.706	12.664.916.056
- Chiết khấu thương mại	2.980.132.976	2.085.500
- Giảm giá hàng bán	-	1.597.933.241
- Hàng bán bị trả lại	20.066.331.730	11.064.897.315
Doanh thu thuần	4.897.068.110.528	4.217.017.360.197

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	3.922.088.664.990	3.342.517.621.722
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	-	2.325.331.333
Tổng	3.922.088.664.990	3.344.842.953.055

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.191.487.139	2.475.560.226
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.220.031.000	3.296.080.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.708.756.732	16.492.743.149
Lãi thanh lý công ty con	-	2.893.384.981
Doanh thu hoạt động tài chính khác	28.334.251.663	480.026.296
Tổng	52.454.526.534	25.637.795.252

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	82.579.825.304	57.459.836.189
Lỗ chênh lệch tỷ giá	60.045.160.068	13.105.907.041
Chi phí tài chính khác	108.612.727	6.036.200
Tổng	142.733.598.099	70.571.779.430

5.21 Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	77.409.239.332	73.388.964.751
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	6.203.741.843	4.597.710.827
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	3.446.450.675	5.413.442.376
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.469.292.691	2.241.616.481
Thuế phí và lệ phí	147.081.634	153.663.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.847.330.816	227.168.672.793
Chi phí bằng tiền khác	24.636.344.174	29.165.229.378
Tổng	365.159.481.165	342.129.300.493

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	281.447.767.589	261.152.533.317
Chi phí vật liệu quản lý	15.496.855.397	16.293.941.849
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.191.331.897	10.321.853.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	28.809.395.999	34.049.091.811
Thuế phí và lệ phí	5.065.318.042	4.377.042.070
Chi phí dự phòng	816.626.063	691.147.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.834.657.011	48.892.576.744
Chi phí bằng tiền khác	39.370.768.238	47.214.094.809
Tổng	430.032.720.236	422.992.281.461

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	59.147.119.768	52.820.555.379
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(11.811.258.572)	(11.840.327.186)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.335.861.196	40.980.228.193
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.601	2.252



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với biên liên quan****Giao dịch bán hàng**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	18.720.000	28.652.000
		Khác	27.450.000	125.840.852
		Nguyên phụ liệu	37.795.454	23.064.363
		Quần áo	317.486.182	106.456.275
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	149.365.359	64.597.045
		Quần áo	7.727.250	-
		Thiết bị các loại	-	34.016.727
		Tiền thuê nhà	429.922.155	379.782.629
		Khác	126.593.250	18.844.000
Công ty CP Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	52.454.101	37.790.042
		Quần áo	24.131.818	35.145.456
		Tiền thuê nhà	352.096.350	359.713.650
		Khác	17.180.000	44.040.419
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	18.310.574.893	15.179.868.990
		Gia công	7.130.000	-
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	8.554.545	166.763

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
		Điện, ăn, nước, thuê máy	99.949.735	36.293.947
		Tiền thuê nhà	599.280.000	299.640.000
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	7.100.000	7.100.000
		Quần áo	16.123.636	23.270.455
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Đầu tư khác	Khác	4.080.000	7.550.000
CN Công Ty CP May Sông Tiền - XN May An Giang	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	138.000.000	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	41.090.000	-
		Khác	3.340.000	-
Tổng			20.796.144.728	16.811.833.613



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công quần áo	1.062.714.147	9.114.588.723
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công khác	-	3.654.733.676
		Thiết bị các loại	-	242.453.046
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ NB	Công ty liên doanh, liên kết	Văn phòng phẩm	9.700.000	18.715.705.995
		Dịch vụ bảo trì	5.800.000	14.022.000
		Khác	9.540.000	1.600.000
		Sửa chữa	11.100.000	47.850.000
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Thiết bị các loại	18.469.532.000	13.300.000
		Sửa chữa	81.758.408	36.345.919.770
		Thiết bị các loại	3.073.963.475	12.135.501.607
		Khác	3.214.602.100	5.843.269.926
Công ty CP May Phú Thịnh-Nhà Bè	Đầu tư khác	Máy gia công	-	535.547.356
		Công cụ dụng cụ	-	1.097.110.383
		Thiết bị các loại	450.000.000	46.200.000
Công Ty CP Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phí vận chuyển	52.468.382.064	3.200.000
		Khác	144.502.942.927	48.222.390.850
CN Công Ty CP May Sông Tiền - XN May An Giang	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công	1.949.734.731	101.621.323.096
Tổng			225.309.769.852	237.654.716.428

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	40.623.515.573	26.683.331.045
Công ty CP Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	32.549.000	45.734.425
Công ty CP Đầu Tư & PT DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	137.088.770	93.577.193
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	-	5.484.800
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	54.934.000	54.934.000
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	28.035.602.739	20.519.191.781
Công ty CP Xây lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	12.767.377	-
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Đầu tư khác	Phải thu khác	26.215.377	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	14.871.611	-
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	-	6.211.407.859
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	3.549.059.250	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	510.103.550	-
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	3.422.124	1.678.693.895
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	344.990	344.990
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước cho người bán	5.334.240.606	5.334.240.606
Công ty CP Đầu Tư & PT DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước cho người bán	-	25.000.000
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Người mua trả tiền trước	-	222.000.000
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Người mua trả tiền trước	291.973.292	-
Tổng			79.733.456.417	60.876.978.994



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.834.889.495	228.713.854.868
Phải thu khách hàng và phải thu khác	865.245.648.908	720.182.542.844
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.900.000.000	2.230.240.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	34.706.748.299	36.595.613.385
Tổng	1.198.687.286.702	987.722.251.097
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.999.411.696.995	1.886.939.082.091
Phải trả người bán và phải trả khác	440.580.073.824	425.318.196.431
Chi phí phải trả	32.574.322.776	47.920.727.717
Tổng	2.472.566.093.595	2.360.178.006.239

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Tại 31/12/2018	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	419.500.181.747	5.349.772.680	424.849.954.427
Chi phí phải trả	47.920.727.717	-	47.920.727.717
Các khoản vay	1.540.696.242.942	312.781.285.391	1.853.477.528.333
Tổng	2.008.117.152.406	318.131.058.071	2.326.248.210.477
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Tại 01/01/2018	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	419.500.181.748	5.818.014.683	425.318.196.431
Chi phí phải trả	47.920.727.717	-	47.920.727.717
Các khoản vay	1.540.696.242.942	346.242.839.149	1.886.939.082.091
Tổng	2.008.117.152.407	352.060.853.832	2.360.178.006.239

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.834.889.495	-	296.834.889.495
Phải thu khách hàng và phải thu khác	816.106.404.865	49.139.244.043	865.245.648.908
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.900.000.000	-	1.900.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	34.706.748.299	34.706.748.299
Tổng	1.114.841.294.360	83.845.992.342	1.198.687.286.702
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	228.713.854.868	-	228.713.854.868
Phải thu khách hàng và phải thu khác	697.704.214.172	22.478.328.672	720.182.542.844
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.230.240.000	-	2.230.240.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	36.595.613.385	36.595.613.385
Tổng	928.648.309.040	59.073.942.057	987.722.251.097

6.3 Thông tin so sánh

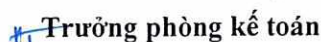
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2019

Người lập



Đặng Minh Tuyền


 Trưởng phòng kế toán

Huỳnh Văn Phát


 Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Lân

